

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Ông Đinh Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 05, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1984; địa chỉ: Đội 9, thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Định. Tạm trú: Tổ 05, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Chị T và anh D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Chị T và anh D bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương và có 01 người con chung tên Nguyễn Hữu Thảo N, sinh ngày 15/01/2015, hiện cháu N đang chung sống với ông bà ngoại tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã

nhau, anh D không quan tâm chăm sóc đến vợ con. Hiện tại chị đang sống tại ấp 4, xã T, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh cuối tuần mới về nhà tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương để thăm con. Chị thấy không còn tình cảm với anh D, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị T trình bày không đúng, vợ chồng vẫn quan tâm lo lắng chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại anh đang sinh sống tại thành phố U, tỉnh Bình Dương cuối tuần anh về nhà cha mẹ chị T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương để thăm con và gặp vợ. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh xin được đoàn tụ cùng chị T để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D; về con chung, giao chị T tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Thảo N, sinh ngày 15/01/2015. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, chị T và anh D không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện anh Nguyễn Hữu D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh D hiện đang tạm trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Hữu D chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Do đó, hôn nhân giữa anh chị hoàn toàn hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị T yêu cầu được ly hôn, nguyên nhân do anh D không quan tâm cuộc sống vợ chồng, không lo lắng vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên chị yêu cầu được ly hôn. Ngược lại, anh D yêu cầu được đoàn tụ vì anh còn thương vợ, thương con.

[3] Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương thì được biết, trong thời gian chung sống giữa chị T và anh D không thường xuyên về nhà tại ấp A, xã B, huyện C, cuối tuần chị T và anh D mới gặp nhau, mỗi lần gặp nhau chị T và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau về vấn đề tình cảm. Trong thời gian Tòa án hòa giải chị T và anh D không gặp nhau thường xuyên để bàn bạc hàn gắn cuộc sống gia đình, chứng tỏ anh chị không có thiện chí đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa chị T và anh D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Thảo N, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D thì cũng yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng: Hiện cháu N sống chung với cha mẹ ruột của chị T từ nhỏ đến nay và chị T thường về thăm con, cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt và chị T là giáo viên có việc làm thu nhập ổn định, đủ khả năng điều kiện nuôi con, hơn nữa cháu N là con gái cần phải có sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D cũng có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng hiện tại anh D không có nhà tại Bình Dương và làm tài xế xe thường đi sớm về khuya, hơn nữa cháu N là con gái nên việc yêu cầu nuôi con của anh D không được chấp nhận.

Giao chị Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Thảo N, sinh ngày 15/01/2015. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T đối với anh Nguyễn Hữu D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Kiều T được tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Thảo N, sinh ngày 15/01/2015. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033219 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng